

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-02-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quốc Văn Tài;

2. Bà Triệu Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích Đ, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh T, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nông Văn C, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh T, vắng mặt (phiên tòa triệu tập lần thứ 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tháng 02 năm 2000 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh T.

Sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh T. Quá trình chung sống giữa chị và anh C đã phát sinh mâu thuẫn do anh C thường hay uống rượu, không tu chí làm ăn, chửi, mắng, đánh vợ, đập phá đồ đạc trong gia đình. Lần mâu thuẫn gần nhất là ngày 15/10/2020 anh C đánh đuổi chị ra khỏi nhà, anh C có nói *“Mày biến khỏi nhà tao nhanh còn kịp, không tao sẽ cho cái nhà này tan và mày chết cũng không được toàn thân”*, nên chị đã cùng con ra khỏi nhà, sống ly thân với anh C từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm với anh C không còn, chị xin ly hôn với anh Nông Văn C.

- Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là Nông Thị Tuyết M, sinh ngày 29/10/2001 và Nông Văn L, sinh ngày 18/3/2005. Cháu M đã đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nông Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Bích Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2000 tại UBND xã Q, huyện H. Anh chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, Sau khi kết hôn anh, chị chung sống với nhau tại Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh T. Anh nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị Đ vẫn bình thường, thỉnh thoảng có những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống. Có lần xảy ra mâu thuẫn đã được tổ hòa giải của thôn hòa giải, nhưng anh không nhớ thời gian nào. Cuộc sống hôn nhân của anh và chị Đ vẫn bình thường, không có mâu thuẫn. Ngày 15/10/2020 anh có gọi 03 cuộc điện thoại cho chị Đ nhưng không được, khi anh về nhà thấy chị Đ vẫn nghe điện thoại của người khác nên anh có hỏi *“Đ chặn số của anh à”*, sau đó chị Đ cùng con đi vào ký túc xá của trường để ở. Anh không hiểu lý do vì sao chị Đ lại giận dữ anh và bỏ nhà đi sinh sống tại nơi khác. Bản thân anh vẫn còn yêu thương chị Đ nên không nhất trí ly hôn với chị Đ.

- Về con chung: Anh và chị Đ có hai con chung là Nông Thị Tuyết M, sinh ngày 29/10/2001 và Nông Văn L, sinh ngày 18/3/2005. Cháu M đã đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn việc nuôi dưỡng cháu L anh nhất trí theo nguyện vọng của con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của con chung trên 07 tuổi: Tại biên bản lấy lời khai cháu Nông Văn L trình bày có nguyện vọng được mẹ là Nguyễn Thị Bích Đ trực tiếp nuôi dưỡng trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn

trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 144, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về *mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Nguyễn Thị Bích Đ. Cho chị Nguyễn Thị Bích Đ được ly hôn với anh Nông Văn C.

- Về con chung: Cháu Nông Thị Tuyết M, sinh ngày 29/10/2001 đã đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động bình thường nên không xem xét. Giao cháu Nông Văn L, sinh ngày 18/3/2005 cho chị Nguyễn Thị Bích Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nông Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích Đ và anh Nông Văn C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Nguyễn Thị Bích Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nông Văn C; anh Nông Văn C có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Nông Văn C, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nông Văn C vắng mặt, do vậy, việc quyết định xét xử vắng mặt anh C phù hợp, đảm bảo theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Bích Đ và anh Nông Văn C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/02/2000 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh T, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị Đ cho rằng quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo chị thì anh C uống rượu về hay chửi bới, đánh chị và đập phá đồ đạc trong gia đình, ngoài ra anh C không tu chí làm ăn và còn đuổi chị ra khỏi nhà. Còn theo anh C, cuộc sống vợ chồng sống bình thường, chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt, không có mâu thuẫn gì lớn. Trước đó khi xảy ra mâu thuẫn vợ, chồng anh có được thôn hòa giải. Đến ngày 15/10/2020 chị Đ cùng con đi vào ký túc xá của trường để ở, anh không hiểu lý do vì sao chị Đ lại giận dữ anh và bỏ nhà đi sinh sống tại nơi khác. Cả hai đương sự chị Đ và anh C đều xác định đã sống ly thân từ ngày 15/10/2020 đến nay.

Quá trình xác minh tại thôn T, xã V cho thấy: Giữa anh C và chị Đ có xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, trong lúc nóng tính anh C có đập phá đồ đạc trong gia đình. Tổ hòa giải của thôn T có được hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa anh, chị nhưng không xác định được năm xảy ra mâu thuẫn và có hòa giải. Sau khi được hòa giải chị Đ, anh C sinh sống cùng nhau bình thường. Đến tháng 10 năm 2020 thì chị Đ chuyển đến sinh sống tại ký túc xá của trường Tiểu học V, không còn sinh sống với anh C nữa. Do lần này chị Đ, anh C không báo tổ hòa giải của thôn để hòa giải nên thôn chưa nắm được nguyên nhân anh C, chị Đ không sinh sống cùng nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng chị Đ, anh C có xảy ra mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống; trước thời điểm ly thân ngày 15/10/2020 đã được tổ hòa giải của thôn Hòa giải, sau đó tiếp tục mâu thuẫn vợ chồng, chị Đ, anh C đã tự sống riêng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thông báo, triệu tập anh Nông Văn C nhiều lần, nhưng anh C đều vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ý kiến của anh C không nhất trí ly hôn, có nguyện vọng được đoàn tụ vợ, chồng; tuy nhiên từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, anh C không cung cấp về tài liệu, chứng cứ hoặc có biện pháp đã thể hiện có nỗ lực hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Đ. Chị Đ, anh C đã không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị Đ, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử căn áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích Đ, xử cho chị Đ được ly hôn với anh Nông Văn C.

[2.2] Về con chung: Chị Đ, anh C có 02 con chung, tên là Nông Thị Tuyết M, sinh ngày 29/10/2001 và Nông Văn L, sinh ngày 18/3/2005. Cháu M đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động, chị Đ, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Nông Văn L: Chị Đ có nguyện vọng nuôi cháu L, anh C có ý kiến nhất trí theo nguyện vọng của cháu L. Tại bản tự khai ngày 17/12/2020, cháu L có nguyện vọng được mẹ Nguyễn Thị Bích Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử căn áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Nông Văn L cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị Đ không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên không xem xét. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Bích Đ và anh Nông Văn C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Bích Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Nguyễn Thị Bích Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích Đ được ly hôn với anh Nông Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Văn L, sinh ngày 18/3/2005 cho chị Nguyễn Thị Bích Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nông Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002907, ngày 26 tháng 10

năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Anh Nông Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 18/02/2021. Anh Nông Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phúc An Hoành